TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HSST
Ngày: 24/8/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Đô;
Bà Lê Thị Thận.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 93/2023/ HSST ngày 27 tháng 7 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2023/ QĐXXST – HS ngày 06/8/2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc D, sinh năm 1997, tại tỉnh Đ

Chứng minh nhân dân số: 272572XXX

Nơi cư trú: Ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc C và bà Phạm Thị H; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày XX/9/2022 cho đến nay, (có mặt).

2. Trần Thị P, sinh năm 2002, tại tỉnh Đ

Căn cước công dân số: 249442XXX cấp ngày 14/02/2020 Nơi cấp: Công an tỉnh Đăk Nông.

Nơi cư trú: Thôn X, xã Q, huyên T, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị P; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày XX/4/2023 đến nay, (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thành B, sinh năm 1982, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

2. Nguyễn Ngọc Trà M, sinh năm 2004, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

3. Trần Xuân T, sinh năm 1990, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 23/7/2022, Nguyễn Thành B điều khiển xe mô tô biển số 93T2 – 3xxx đến nhà của Lê Ngọc D thuộc ấp 6, xã Đắk Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chơi. Tại nhà của D, sau khi cùng nhau uống rượu đến khoảng 21 giờ, D cùng B bàn bạc thống nhất đến quán Karaoke "Diomiond" thuộc thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước để hát. Lúc này, D đi xuống nhà bếp lấy 01 gói nylon chứa ma tuý "khay" và 01 gói ny lon chứa ma tuý là "thuốc lắc", D mua của Định (không rõ nhân thân, lý lịch) tại thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 21/7/2022 với giá 4.100.000 đồng cất giấu để sử dụng. D cầm số ma tuý trong tay, rồi ngồi lên xe mô tô 93T2 - 3XXX mượn của anh Chu Hải B để B chở đến quán Karaoke "Diomiond". Khi đến nơi, D gặp người quản lý là Trần Xuân T đặt phòng hát số 1, đồng thời gọi 02 nhân viên vào phục vụ, T đồng ý và cho Trần Thị P đi vào trước cùng D. Khi vào trong phòng, D nói P đi ra bên ngoài lấy 01 đĩa (dĩa) sứ, 01 thẻ ATM thì P đồng ý ra ngoài lấy 01 đĩa sứ và mượn của T 01 thẻ ATM mang vào để trên mặt bàn. D liền lấy gói ma tuý khay đổ ra đĩa, còn gói nylon chứa ma tuý là "thuốc lắc" để trên kệ dưới gầm bàn. Lúc này, B mở cửa phòng đi vào thì P hỏi xin tờ 10.000 đồng, B liền mở bóp đưa cho 01 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng, rồi quay trở ra bên ngoài. P cầm tờ tiền cuộn thành ống hút, dùng thẻ ATM kẻ ma tuý thành những đường nhỏ đưa cho D sử dụng. Lúc này, B cùng Nguyễn Ngọc Trà M đi vào phòng thì P đưa cho B sử dụng, rồi P sử dụng. Cả nhóm cùng ngồi hát đến 22 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Bù Đăng phối hợp với Công an xã Đăng Hà kiểm tra phát hiện có ma túy. Thấy có dấu hiệu tội phạm, nên lực lượng Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng tang vật (ký hiệu M, M1 có chữ ký của D) và các tài sản gồm: 04 điện thoại di động, 01 xe mô tô biển số 93T2 – 3xxx, số tiền 11.200.000 đồng (trong đó: D là 9.000.000 đồng, B là 2.200.000 đồng).

Tại Kết luận giám định số: 178/2022/KL(MT)-KTHS ngày 10/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình Phước, kết luận: Chất bột màu trắng (ký hiệu M có chữ ký của D) bám dính trên bề mặt đĩa sứ, thẻ ATM và tờ tiền Polyme được niêm phong gửi giám định là ma tuý, loại Ketamine, có khối lượng là 0,1475 gam; cục chất màu xanh (ký hiệu M1 có chữ ký của D) có trong gói nylon được niêm phong gửi giám định không tìm thấy chất ma tuý thuộc các danh mục của Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số 60/2020/NĐ – CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ, mẫu có khối lượng là 0,1406 gam.

- Về vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng đã xử lý:

+ Trả 01 xe mô tô biển số 93T2 – 3xxx cho anh Chu Hải B.

+ viện kiểm sát trả cho bị cáo D số tiền 9.000.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội.

+ 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng dùng làm ống hút ma tuý, 02 điện thoại di động và số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình Phước chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để phục vụ việc truy tố, xét xử.

+ Đối với 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu xanh đen, 01 điện thoại di động hiệu Vtel) và số tiền 2.200.000 đồng của Nguyễn Thành B, B bỏ đi khỏi địa P (chưa làm việc được xem có liên quan đến việc phạm tội hay không), nên Cơ quan điều tra tách ra xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 96/CT –VKS - BĐ ngày 24/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo Lê Ngọc D và Trần Thị P về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát tuy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Ngọc D và Trần Thị P phạm Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Ngọc D từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị P từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Các bị cáo Lê Ngọc D và Trần Thị P thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Hai bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của hai bị cáo: Ngày 21/7/2022, Lê Ngọc D mua ma túy, loại Ketamine với số tiền 4.100.000 đồng của một người tên Định không rõ nhân thân, lý lịch tại khu vực tại thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng mang về để sử dụng. Đến tối ngày 23/7/2022, D mang ma túy đến quán Karaoke "Diomiond" thuộc thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước để Trần Thị P lấy 01 cái đĩa, 01 tờ tiền loại 10.000 đồng cuộn thành ống hút, dùng thẻ ATM kẻ ma tuý thành những đường nhỏ đưa cho D sử dụng, sau đó Nguyễn Thành B cùng Nguyễn Ngọc Trà M đi vào phòng, thì P đưa cho B sử dụng và P cũng sử dụng. Cả nhóm sử dụng ma túy và hát đến 20 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng phối hợp với Công an xã Đăng Hà kiểm tra phát hiện bắt

quả tang người cùng tang vật là công cụ để sử dụng ma túy và số ma túy sau khi sử dụng còn lại gửi giám định là loại Ketamine, có khối lượng 0,1475 gam.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Lê Ngọc D và Trần Thị P đã phạm vào Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

"1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b) Đối với 02 người trở lên;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, làm mất trật tự trị an tại địa P. Khi phạm tội các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Tuy nhiên, do lối sống buông thả nên các bị cáo đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Xét toàn bộ vụ án, tính chất mức độ phạm tội của hai bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng.

Bị cáo Lê Ngọc D là người chủ động mua và cung cấp ma túy để sử dụng. Hành vi của bị cáo là khởi xướng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn các bị cáo Trần Thị P.

Đối với bị cáo Trần Thị P mặc dù không có bàn bạc từ trước nhưng đã chủ động chuẩn bị công cụ và cùng bị cáo D sử dụng ma túy và đưa cho đối tượng tên B sử dụng ma túy. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo là con em lao động có hoàn cảnh khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, do các bị cáo không có nghề nghiệp và công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Trả lại 01 xe mô tô biển số 93T2 – 3xxx cho anh Chu Hải B.

Viện kiểm sát đã trả cho bị cáo D số tiền 9.000.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội.

Các tài sản trên đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cần trả lại cho bị cáo Trần Thị P 01 đện thoại di động hiệu OPPO màu xanh.

Cần trả lại cho bị cáo Lê Ngọc D 01 điện thoại di động Sam sung màu xám.

Cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 động.

Cần tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì bị rách niêm phong số 178M của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình Phước.

+ Đối với 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu xanh đen, 01 điện thoại di động hiệu Vtel) và số tiền 2.200.000 đồng của Nguyễn Thành B, B bỏ đi khỏi địa phương (chưa làm việc được xem có liên quan đến việc phạm tội hay không), nên Cơ quan điều tra tách ra xử lý sau.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đối với người đàn ông tên Định bán ma túy cho D, không có tài liệu chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Nguyễn Thành B dùng xe mô tô biển số 93T2 - 3xxx điều khiển chở D đến quán Karaoke "Diomiond", nhưng không biết D mang theo ma tuý và không biết việc Trần Thị P xin 01 tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng cuộn thành ống hút để sử dụng ma túy nên không có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Trần Xuân T không biết việc Trần Thị P mượn thẻ ATM để làm dụng cụ sử dụng ma túy, không có tài liệu chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiển sát tham gia phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc D và Trần Thị P phạm Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38, của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc D 07 năm, 06 tháng tù (bảy năm, sáu tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2022

Xử phạt bị cáo Trần Thị P 07 năm tù (bảy năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2023.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên trả lại cho bị cáo Trần Thị P 01 đện thoại di động hiệu OPPO màu xanh.

Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Ngọc D 01 điện thoại di động Sam sung màu xám.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì bị rách niêm phong số xxxM của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình Phước.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 0010xxx ngày 28/3/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 động.

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng tại Kho bạc nhà nước huyện Bù Đăng ngày 04/4/2023)

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Ngọc D và Trần Thị P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh